TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Anh Đoan và bà Bùi Thị Thu Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 tham gia phiên toà: ông Lê Hoàng Vỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 128/2026/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Đặng Văn B, sinh ngày 26/10/1996; căn cước công dân số 089096008516 nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; cha Đặng Văn X, sinh năm 1976; mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; anh, chị, em ruột có 02 người, bị can là người thứ nhất; tiền án: Ngày 31/10/2019, bị Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự (Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 31/10/2019); đến ngày 21/02/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tổng hợp hình phạt của Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 là 03 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/10/2022, chưa nộp án phí và trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2026 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*Nguyễn Anh K, sinh năm: 2000; số căn cước 0892 00004539 nơi cư trú: Ấp H, xã P, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; số căn cước 089167002024 nơi cư trú: ấp H, xã P, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* 1. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2001, nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; 2. Đặng Gia L, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; 3. Nguyễn Thành N1, sinh năm: 1985, nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh An Giang; 4. Võ Văn L1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Ấp M, xã P, tỉnh An Giang; 5. Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp M, xã P, tỉnh An Giang; 6. Phạm Văn T2, sinh năm 1964, nơi cư trú: Khóm C, phường C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/11/2022, Đặng Văn B, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Thanh T (vợ của K), Nguyễn Văn S, Nguyễn Hoài T1, Võ Văn L1, tổ chức uống bia tại nhà L1. Trong lúc uống bia, B hỏi mượn xe mô tô biển số 67K1-756.11 nhãn hiệu Honda, số loại Winner của K để mua thêm thức ăn, do tin tưởng nên K đồng ý. K đưa chìa khóa xe cho B, rồi B điều khiển xe mô tô của K đến khu vực chợ *"Thời gian"* thuộc xã P mua thức ăn, nhưng không có. Lúc này, B nảy sinh ý định bỏ trốn để chiếm đoạt xe mô tô của K sử dụng, nên B điều khiển xe đến nhà trọ *"N" thuộc khóm C, phường C, tỉnh An Giang* gặp Trần Thị Bé T3 (sinh năm 1993, cư trú khóm C, phường C, bạn của B) chơi. Đến khoảng 10 giờ ngày 19/11/2022, do T3 không có tiền trả tiền thuê trọ, nên B kêu T3 đem xe mô tô biển số 67K1-756.11 của K đi cầm cho người thanh niên lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ) với giá 5.000.0000 đồng, B cho T3 700.000 đồng. Sau đó, B ở lại nhà trọ *"N"* khoảng 03 ngày, thì B thuê xe honda đò đến nhà Nguyễn Thị T (sinh năm 1979, mẹ của B) ở ấp T, xã P và nói cho T biết việc B lấy xe của K đi cầm gần khu vực nhà trọ *"N"*; xong, B bỏ trốn lên Thành phố Hồ Chí Minh. T nói lại sự việc cho Nguyễn Thành N1 (em rễ), Đặng Gia L (em của B) biết. Đến ngày 27/11/2022, N1, L cùng Thanh T (vợ của K), Nguyễn Thị N (mẹ của K), Huỳnh Thị Thanh L2 đến nhà trọ *"N"* gặp T3 và đưa T3 9.000.000 đồng (5.000.000 đồng tiền cầm và 4.000.000 đồng tiền lãi) lấy xe lại giao cho Công an xử lý.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐG.TTHS ngày 31/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh An Giang: 01 xe mô tô biển số 67K1-756.11 nhãn hiệu Honda, số loại Winner, trị giá 15.000.000 đồng

Ngày 21/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Quyết định khởi tố vụ án, bị can và truy nã Đặng Văn B; đến ngày 16/4/2026, B bị bắt truy

nã, tạm giam để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về vật chứng, kết luận định giá tài sản.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSKV12 ngày 01 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 12, tỉnh An Giang đã truy tố Đặng Văn B về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đặng Văn B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định sau khi mượn được tài sản của bị hại Nguyễn Anh K do bị cáo không có tiền tiêu xài nên mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị N yêu cầu Bão trả số tiền 9.000.000đồng, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như Bản Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn B từ *01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù*, về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo B bồi thường cho Nguyễn Thị N 9.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Nguyễn Anh K; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 82 ngày 31/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Đặng Văn B đã lợi dụng sự quen biết và lòng tin của bị hại để mượn xe mô tô biển số 67K1-756.11 nhãn hiệu Honda, số loại Winner của Nguyễn Anh K, trị giá tài sản 15.000.000 đồng.

Sau khi bị cáo mượn được xe của bị hại, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, đã đem xe đi cầm lấy tiền tiêu xài, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 15.000.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bị hại nhưng vẫn cố tình chiếm đoạt là thể hiện ở lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Đặng Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo B là đúng người đúng tội và phù hợp với pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị can B phạm tội trong trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp (không biết chữ), nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra thấy rằng: Bản thân bị cáo đã có tiền án về các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản". Lẽ ra, sau khi chấp hành án trở về cuộc sống đời thường, bị cáo ý thức được việc làm vi phạm pháp luật của mình mà tự ăn năn hối cải để tìm một việc làm chân chính nuôi sống bản thân, gia đình để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Thế nhưng, bị cáo không làm được điều đó, bị cáo muốn hưởng thụ tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà không cần bỏ công sức lao động, bất chấp thực hiện hành vi chiếm tài sản

của bị hại nhằm mục đích tiêu xài. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền quản lý và sở hữu tài sản của người khác, hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây dư luận ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nơi tội phạm xảy ra. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy ngẫm về bản thân và khi được trở về với xã hội bị cáo biết trân trọng cuộc sống tự do, sửa đổi thành một công dân tốt, thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là đủ tính răng đe giáo dục đối với bị cáo nên được chấp nhận.

- Trần Thị Bé T3 bệnh chết năm 2024, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Người thanh niên lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ) nhận cầm xe mô tô hiện chưa làm việc được, nên Cơ quan điều tra xác minh, xử lý sau.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng thu giữ trong giai đoạn điều tra đã được xử lý xong nên không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo B bồi thường cho Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000 đồng

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn B, phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/4/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý xong.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo B có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí :

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đặng Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2026) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12 (1);
- Phân trại tạm giam An Phú (cơ sở 3) thuộc trại tạm giam số 1 (3);
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bộ phận THAHS Toà án khu vực 12 (4);
- THADS tỉnh An Giang (4);
- Những người tham gia tố tụng (8);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo